

Bộ chỉ số HOSE-Index

Ngày cập nhật: 31/07/2025

HOSE-Index là bộ chỉ số vốn hóa có thể đầu tư được bao gồm các cổ phiếu niêm yết trên Sở GDCK TP.HCM (HOSE) đáp ứng các yêu cầu sàng lọc về tư cách, tỷ lệ tự do chuyển nhượng và thanh khoản. HOSE-Index chiếm hơn 90% giá trị giao dịch và hơn 80% giá trị vốn hóa của toàn thị trường chứng khoán niêm yết tại HOSE.

Cấu trúc Bộ chỉ số HOSE-Index

VNAllshare là chỉ số vốn hóa bao gồm các cổ phiếu niêm yết trên HOSE đáp ứng các yêu cầu sàng lọc về tư cách, tỷ lệ tự do chuyển nhượng và thanh khoản.

VN30 là chỉ số vốn hóa được thiết kế để đo lường mức tăng trưởng của 30 công ty hàng đầu về vốn hóa thị trường và thanh khoản trong VNAllshare.

VNMidcap là chỉ số vốn hóa đo lường mức tăng trưởng của 70 công ty có quy mô vừa trong VNAllshare.

VN100 là chỉ số vốn hóa kết hợp các cổ phiếu thành phần của VN30 và VNMidcap.

VNSmallcap là chỉ số vốn hóa được thiết kế để đo lường mức tăng trưởng của các công ty có quy mô nhỏ trong VNAllshare.

VNAllshare Sector Indices bao gồm các chỉ số ngành với các cổ phiếu thành phần của chỉ số VNAllShare được phân ngành theo chuẩn phân ngành Global Industry Classification Standard (GICS®).

Đặc điểm chung

Mục tiêu

Bộ chỉ số được thiết kế với mục đích tham chiếu cho thị trường và làm cơ sở xây dựng các sản phẩm dựa trên chỉ số như quỹ đầu tư theo chỉ số, sản phẩm phái sinh, ...

Khả năng đầu tư

Bộ chỉ số được sàng lọc và tính toán dựa trên tỷ lệ tự do chuyển nhượng để đảm bảo khả năng đầu tư được.

Thanh khoản

Các cổ phiếu thành phần được sàng lọc về thanh khoản để đảm bảo chỉ số có thể giao dịch được.

Minh bạch

Bộ chỉ số sử dụng các quy tắc xây dựng và quản lý minh bạch. Quy tắc xây dựng và quản lý Bộ chỉ số HOSE-Index được công bố trên trang chủ của HOSE.

Tần suất tính toán

Bộ chỉ số được tính theo thời gian thực hoặc tại cuối ngày giao dịch.

Xem xét định kỳ

Bán niên vào tháng 1 và tháng 7 hàng năm

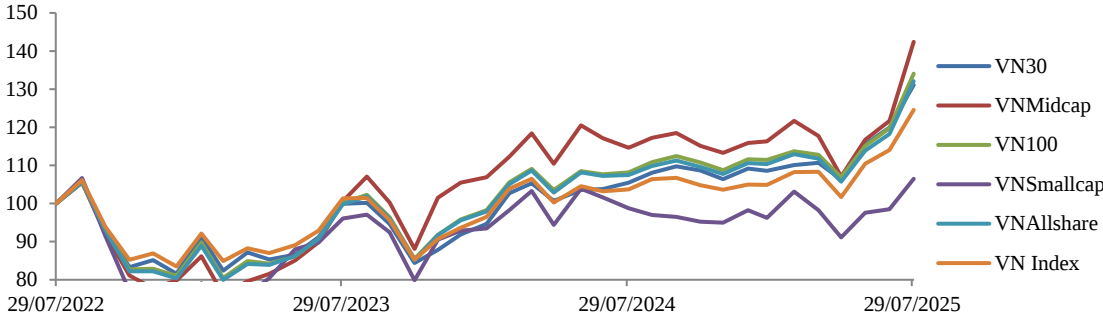
Giới hạn tỷ trọng vốn hóa

10% (VNAllshare Sector không áp dụng)

Phương pháp tính chỉ số

Giá trị vốn hóa điều chỉnh free-float.

Tăng trưởng chỉ số từ 29/07/2022 đến 31/07/2025



Tăng trưởng chỉ số

	Tăng trưởng (%)									Tăng trưởng bình quân năm (%)	
	2022	2023	2024	1 tháng	3 tháng	6 tháng	1 năm	3 năm	5 năm	3 năm	5 năm
VNAllShare	-38.81%	14.75%	15.89%	11.71%	24.93%	19.72%	22.92%	32.10%	121.79%	9.72%	17.27%
VN30	-35.52%	8.04%	18.83%	9.32%	23.33%	20.76%	24.34%	31.11%	118.06%	9.45%	16.87%
VNMidcap	-42.30%	28.82%	10.39%	17.04%	33.05%	22.42%	24.20%	42.41%	185.82%	12.51%	23.37%
VN100	-37.62%	13.95%	16.62%	11.93%	25.45%	20.31%	23.96%	34.07%	122.11%	10.27%	17.30%
VNSmallcap	-51.74%	25.06%	5.92%	8.09%	16.84%	10.66%	7.80%	6.48%	124.70%	2.12%	17.58%
VN-Index	-33.99%	8.24%	11.93%	9.19%	22.52%	18.77%	20.06%	24.55%	88.19%	7.59%	13.48%

Độ biến động chỉ số

	3 tháng	6 tháng	1 năm	3 năm	5 năm
VNAllShare	7.86%	16.06%	18.70%	34.93%	46.21%
VN30	8.04%	15.99%	18.52%	34.29%	46.00%
VNMidcap	9.63%	18.32%	21.39%	40.42%	57.90%
VN100	7.99%	16.17%	18.84%	35.14%	48.05%
VNSmallcap	6.57%	15.36%	18.08%	35.62%	49.54%
VN-Index	7.24%	15.67%	17.84%	32.03%	42.98%

Độ tương quan chỉ số với VN Index

	3 tháng	6 tháng	1 năm	3 năm	5 năm
VNAllShare	97.58%	99.11%	98.93%	98.74%	98.78%
VN30	96.58%	98.04%	97.79%	97.82%	97.27%
VNMidcap	85.80%	93.18%	93.59%	92.90%	82.65%
VN100	97.61%	99.03%	98.84%	98.73%	95.06%
VNSmallcap	82.74%	92.59%	91.53%	88.66%	84.86%

Đặc điểm chỉ số

	VNAllshare	VN30	VNMidcap	VN100	VNSmallcap
Số lượng cổ phiếu thành phần	283	30	70	100	183
Giá trị vốn hóa (Tỷ đồng)	5,885,700	4,431,713	1,169,907	5,601,620	284,081
Giá trị vốn hóa có điều chỉnh free-float (Tỷ đồng)	2,624,850	1,773,001	706,460	2,479,461	145,389
Trung bình	9,275	59,100	10,092	24,795	794
Cao nhất	156,133	156,133	42,749	156,133	6,293
Thấp nhất	23	2,968	1,041	1,041	23
Trung vị	1,190	53,247	7,265	8,826	494
Tỷ trọng vốn hóa của công ty lớn nhất trong rổ	5.95%	8.81%	6.05%	6.30%	4.33%
Tỷ trọng vốn hóa của 10 công ty lớn nhất trong rổ	42.57%	63.03%	41.28%	45.07%	25.48%

Lưu ý:

"VN30", "VNMidcap", "VNSmallCap", "VN100", "VNAllshare" và "VNAllshare Sector" (gọi chung là "HOSE-Index") là thương hiệu đã được đăng ký, thuộc sở hữu độc quyền của Sở GDCK Thành phố Hồ Chí Minh (HOSE). Chỉ khi có sự chấp thuận của HOSE thì Bộ chỉ số HOSE-Index mới có thể được sử dụng để tạo ra các sản phẩm liên quan như quỹ đầu tư theo chỉ số, sản phẩm phái sinh, ... Để biết thêm thông tin xin vui lòng liên hệ qua e-mail: index@hsx.vn

Bản công bố này chỉ nhằm mục đích cung cấp thông tin. HOSE đã nỗ lực hết mức có thể để cung cấp thông tin chính xác, tuy nhiên sẽ không có nghĩa vụ pháp lý hoặc trách nhiệm nào cho HOSE cũng như ban giám đốc, cán bộ, nhân viên, đối tác hoặc người nhượng quyền của HOSE liên quan đến sai sót hoặc tổn thất gây ra bởi việc sử dụng bất kỳ thông tin hoặc dữ liệu nào thuộc công bố này.

Sở Giao Dịch Chứng Khoán Thành phố Hồ Chí Minh

Số 16 Võ Văn Kiệt, Phường Bến Thành, TP. Hồ Chí Minh

Điện thoại: (84.8) 3821.7713 - Fax: (84.8) 3821.7452

Website: www.hsx.vn



VNAllshare là chỉ số vốn hóa bao gồm các cổ phiếu niêm yết trên HOSE đáp ứng các yêu cầu sàng lọc về tư cách, tỷ lệ tự do chuyển nhượng và thanh khoản.

Đặc điểm chỉ số

	283
Giá trị vốn hóa (Tỷ đồng)	5,885,700
Giá trị vốn hóa có điều chỉnh free-float (Tỷ đồng)	2,624,850
Trung bình	9,275
Cao nhất	156,133
Thấp nhất	23
Trung vị	1,190
Tỷ trọng vốn hóa của công ty lớn nhất trong rổ	5.95%
Tỷ trọng vốn hóa của 10 công ty lớn nhất trong rổ	42.57%

Thông tin cơ bản

Ngày cơ sở: 24/01/2014
Giá trị cơ sở: 560.19
Hình thức tính: Chỉ số giá và Chỉ số tổng thu nhập
Tần suất tính:
- VNAllshare: Theo thời gian thực (5 giây/ lần)
- VNAllshareTRI: Cuối ngày giao dịch (1 ngày/lần)
Giới hạn tỷ trọng vốn hóa: 10%
Phương pháp tính: Giá trị vốn hóa thị trường điều chỉnh free-float.
Đơn vị tiền tệ: VND

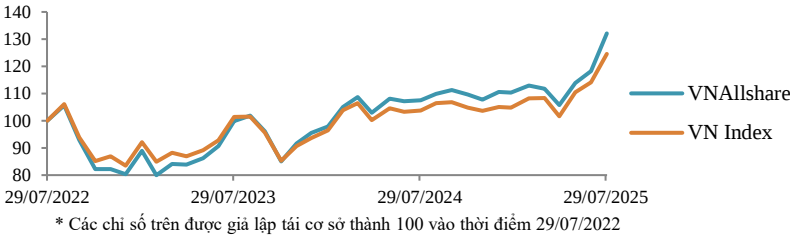
Độ biến động chỉ số

	3 tháng	6 tháng	1 năm	3 năm	5 năm
VNAllshare	7.86%	16.06%	18.70%	34.93%	46.21%

Độ tương quan chỉ số với VN Index

	3 tháng	6 tháng	1 năm	3 năm	5 năm
VNAllshare	97.58%	99.11%	98.93%	98.74%	98.78%

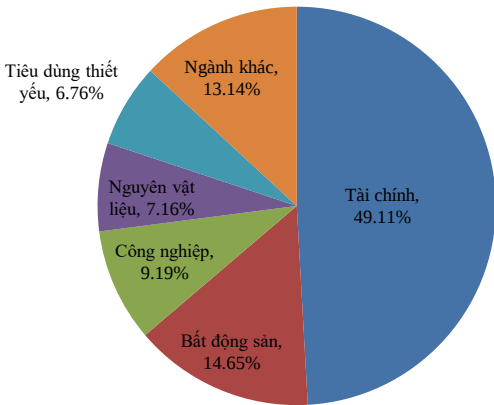
Tăng trưởng chỉ số từ 29/07/2022 đến 31/07/2025



Tăng trưởng chỉ số

	Tăng trưởng (%)									Tăng trưởng bình quân năm (%)	
	2022	2023	2024	1 tháng	3 tháng	6 tháng	1 năm	3 năm	5 năm	3 năm	5 năm
VNAllshare	-38.81%	14.75%	15.89%	11.71%	24.93%	19.72%	22.92%	32.10%	121.79%	9.72%	17.27%

Tỷ trọng vốn hóa thị trường theo ngành



10 công ty đứng đầu theo vốn hóa thị trường

	Cổ phiếu	Ngành	GTVH điều chỉnh free-float (Tỷ đồng)	Tỷ trọng
1	TCB	Tài chính	156,133	5.95%
2	FPT	Công nghệ thông tin	150,592	5.74%
3	VIC	Bất động sản	121,019	4.61%
4	ACB	Tài chính	106,329	4.05%
5	HPG	Nguyên vật liệu	105,327	4.01%
6	VPB	Tài chính	102,348	3.90%
7	LPB	Tài chính	97,057	3.70%
8	STB	Tài chính	94,167	3.59%
9	VHM	Bất động sản	92,417	3.52%
10	MBB	Tài chính	92,129	3.51%
Tổng cộng			1,117,517	42.57%

Top 5 ngành đứng đầu theo vốn hóa thị trường

Ngành	Số lượng công ty	GTVH điều chỉnh free-float (Tỷ đồng)	Tỷ trọng
Tài chính	40	1,289,159	49.11%
Bất động sản	38	384,471	14.65%
Công nghiệp	72	241,126	9.19%
Nguyên vật liệu	42	187,864	7.16%
Tiêu dùng thiết yếu	26	177,376	6.76%

Lưu ý:
"VN30", "VNMidcap", "VNSmallCap", "VN100", "VNAllshare" và "VNAllshare Sector" (gọi chung là "HOSE-Index") là thương hiệu đã được đăng ký, thuộc sở hữu độc quyền của Sở GDCK Thành phố Hồ Chí Minh (HOSE). Chỉ khi có sự chấp thuận của HOSE thì Bộ chỉ số HOSE-Index mới có thể được sử dụng để tạo ra các sản phẩm liên quan như quỹ đầu tư theo chỉ số, sản phẩm phái sinh, Để biết thêm thông tin xin vui lòng liên hệ qua e-mail: index@hsx.vn
Bản công bố này chỉ nhằm mục đích cung cấp thông tin. HOSE đã nỗ lực hết mức có thể để cung cấp thông tin chính xác, tuy nhiên sẽ không có nghĩa vụ pháp lý hoặc trách nhiệm nào cho HOSE cũng như ban giám đốc, cán bộ, nhân viên, đối tác hoặc người nhượng quyền của HOSE liên quan đến sai sót hoặc tổn thất gây ra bởi việc sử dụng bất kỳ thông tin hoặc dữ liệu nào thuộc công bố này.



VN30 là chỉ số vốn hóa được thiết kế để đo lường mức tăng trưởng của 30 công ty hàng đầu về vốn hóa thị trường và thanh khoản trong VNAllshare.

Đặc điểm chỉ số

	30
Giá trị vốn hóa (Tỷ đồng)	4,431,713
Giá trị vốn hóa có điều chỉnh free-float (Tỷ đồng)	1,773,001
Trung bình	59,100
Cao nhất	156,133
Thấp nhất	2,968
Trung vị	53,247
Tỷ trọng vốn hóa của công ty lớn nhất trong rổ	8.81%
Tỷ trọng vốn hóa của 10 công ty lớn nhất trong rổ	63.03%

Thông tin cơ bản

Ngày cơ sở: 02/01/2009
Giá trị cơ sở: 313.34
Hình thức tính: Chỉ số giá và Chỉ số tổng thu nhập
Tần suất tính:
- VN30: Theo thời gian thực (5 giây/ lần)
- VN30TRI: Cuối ngày giao dịch (1 ngày/lần)
Giới hạn tỷ trọng vốn hóa: 10%
Phương pháp tính: Giá trị vốn hóa thị trường điều chỉnh free-float.
Đơn vị tiền tệ: VND

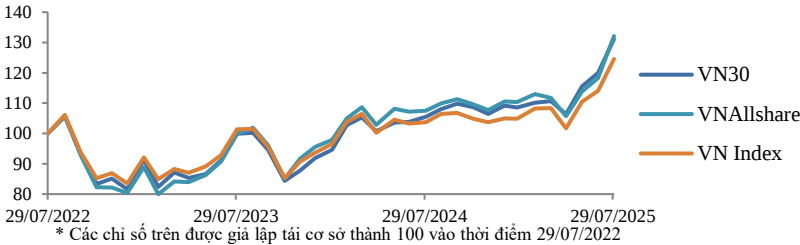
Độ biến động chỉ số

	3 tháng	6 tháng	1 năm	3 năm	5 năm
VN30	8.04%	15.99%	18.52%	34.29%	46.00%

Độ tương quan chỉ số với VN Index

	3 tháng	6 tháng	1 năm	3 năm	5 năm
VN30	96.58%	98.04%	97.79%	97.82%	97.27%

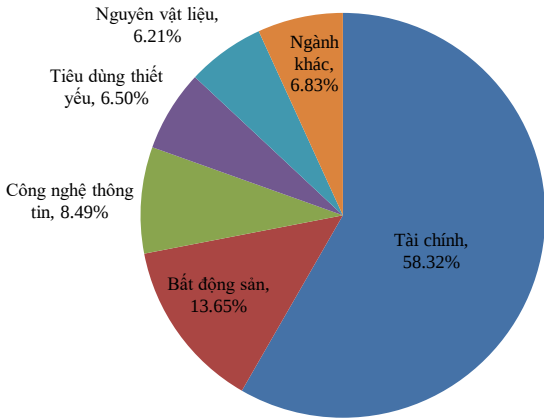
Tăng trưởng chỉ số từ 29/07/2022 đến 31/07/2025



Tăng trưởng chỉ số

	Tăng trưởng (%)									Tăng trưởng bình quân năm (%)	
	2022	2023	2024	1 tháng	3 tháng	6 tháng	1 năm	3 năm	5 năm	3 năm	5 năm
VN30	-35.52%	8.04%	18.83%	9.32%	23.33%	20.76%	24.34%	31.11%	118.06%	9.45%	16.87%

Tỷ trọng vốn hóa thị trường theo ngành



10 công ty đứng đầu theo vốn hóa thị trường

	Cổ phiếu	Ngành	GTVH điều chỉnh free-float (Tỷ đồng)	Tỷ trọng
1	TCB	Tài chính	156,133	8.81%
2	FPT	Công nghệ thông tin	150,592	8.49%
3	VIC	Bất động sản	121,019	6.83%
4	ACB	Tài chính	106,329	6.00%
5	HPG	Nguyên vật liệu	105,327	5.94%
6	VPB	Tài chính	102,348	5.77%
7	LPB	Tài chính	97,057	5.47%
8	STB	Tài chính	94,167	5.31%
9	VHM	Bất động sản	92,417	5.21%
10	MBB	Tài chính	92,129	5.20%
Tổng cộng			1,117,517	63.03%

Top 5 ngành đứng đầu theo vốn hóa thị trường

Ngành	Số lượng công ty	GTVH điều chỉnh free-float (Tỷ đồng)	Tỷ trọng
Tài chính	16	1,034,012	58.32%
Bất động sản	4	241,945	13.65%
Công nghệ thông tin	1	150,592	8.49%
Tiêu dùng thiết yếu	3	115,239	6.50%
Nguyên vật liệu	2	110,143	6.21%

Lưu ý:
"VN30", "VNMidcap", "VNSmallCap", "VN100", "VNAllshare" và "VNAllshare Sector" (gọi chung là "HOSE-Index") là thương hiệu đã được đăng ký, thuộc sở hữu độc quyền của Sở GDCK Thành phố Hồ Chí Minh (HOSE). Chỉ khi có sự chấp thuận của HOSE thì Bộ chỉ số HOSE-Index mới có thể được sử dụng để tạo ra các sản phẩm liên quan như quỹ đầu tư theo chỉ số, sản phẩm phái sinh, Để biết thêm thông tin xin vui lòng liên hệ qua e-mail: index@hsx.vn
Bản công bố này chỉ nhằm mục đích cung cấp thông tin. HOSE đã nỗ lực hết mức có thể để cung cấp thông tin chính xác, tuy nhiên sẽ không có nghĩa vụ pháp lý hoặc trách nhiệm nào cho HOSE cũng như ban giám đốc, cán bộ, nhân viên, đối tác hoặc người nhượng quyền của HOSE liên quan đến sai sót hoặc tổn thất gây ra bởi việc sử dụng bất kỳ thông tin hoặc dữ liệu nào thuộc công bố này.

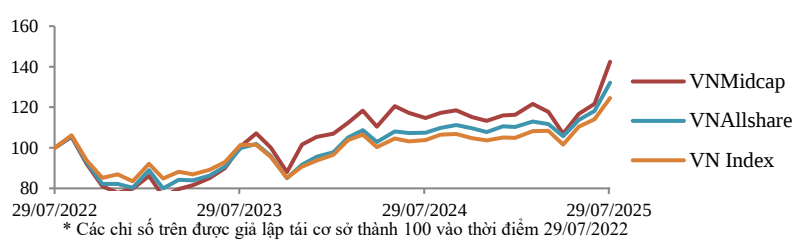


VNMidcap là chỉ số vốn hóa đo lường mức tăng trưởng của 70 công ty có quy mô vừa trong VNAllshare.

Đặc điểm chỉ số

	70
Giá trị vốn hóa (Tỷ đồng)	1,169,907
Giá trị vốn hóa có điều chỉnh free-float (Tỷ đồng)	706,460
Trung bình	10,092
Cao nhất	42,749
Thấp nhất	1,041
Trung vị	7,265
Tỷ trọng vốn hóa của công ty lớn nhất trong rổ	6.05%
Tỷ trọng vốn hóa của 10 công ty lớn nhất trong rổ	41.28%

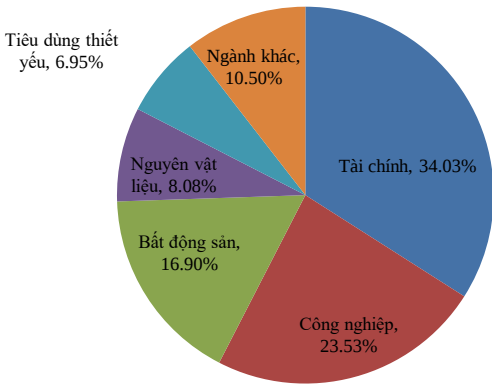
Tăng trưởng chỉ số từ 29/07/2022 đến 31/07/2025



Tăng trưởng chỉ số

	Tăng trưởng (%)									Tăng trưởng bình quân năm (%)	
	2022	2023	2024	1 tháng	3 tháng	6 tháng	1 năm	3 năm	5 năm	3 năm	5 năm
VNMidcap	-42.30%	28.82%	10.39%	17.04%	33.05%	22.42%	24.20%	42.41%	185.82%	12.51%	23.37%

Tỷ trọng vốn hóa thị trường theo ngành



Top 5 ngành đứng đầu theo vốn hóa thị trường

Ngành	Số lượng công ty	GTVH điều chỉnh free-float (Tỷ đồng)	Tỷ trọng
Tài chính	13	240,398	34.03%
Công nghiệp	19	166,252	23.53%
Bất động sản	11	119,410	16.90%
Nguyên vật liệu	8	57,111	8.08%
Tiêu dùng thiết yếu	7	49,097	6.95%

Thông tin cơ bản

Ngày cơ sở: 24/01/2014
Giá trị cơ sở: 560.19
Hình thức tính: Chỉ số giá và Chỉ số tổng thu nhập
Tần suất tính:
- VNMidcap: Theo thời gian thực (5 giây/ lần)
- VNMidcapTRI: Cuối ngày giao dịch (1 ngày/lần)
Giới hạn tỷ trọng vốn hóa: 10%
Phương pháp tính: Giá trị vốn hóa thị trường điều chỉnh free-float.
Đơn vị tiền tệ: VND

Độ biến động chỉ số

	3 tháng	6 tháng	1 năm	3 năm	5 năm
VNMidcap	9.63%	18.32%	21.39%	40.42%	57.90%

Độ tương quan chỉ số với VN Index

	3 tháng	6 tháng	1 năm	3 năm	5 năm
VNMidcap	85.80%	93.18%	93.59%	92.90%	82.65%

10 công ty đứng đầu theo vốn hóa thị trường

	Cổ phiếu	Ngành	GTVH điều chỉnh free-float (Tỷ đồng)	Tỷ trọng
1	EIB	Tài chính	42,749	6.05%
2	GEX	Công nghiệp	40,405	5.72%
3	VIX	Tài chính	39,718	5.62%
4	MSB	Tài chính	32,292	4.57%
5	VND	Tài chính	25,917	3.67%
6	DGC	Nguyên vật liệu	23,448	3.32%
7	NAB	Tài chính	23,316	3.30%
8	PNJ	Khu vực tiêu dùng	22,815	3.23%
9	KBC	Bất động sản	20,865	2.95%
10	GMD	Công nghiệp	20,073	2.84%
	Tổng cộng		291,598	41.28%

Lưu ý:
"VN30", "VNMidcap", "VNSmallCap", "VN100", "VNAllshare" và "VNAllshare Sector" (gọi chung là "HOSE-Index") là thương hiệu đã được đăng ký, thuộc sở hữu độc quyền của Sở GD&ĐT Thành phố Hồ Chí Minh (HOSE). Chỉ khi có sự chấp thuận của HOSE thì Bộ chỉ số HOSE-Index mới có thể được sử dụng để tạo ra các sản phẩm liên quan như quỹ đầu tư theo chỉ số, sản phẩm phái sinh, Để biết thêm thông tin xin vui lòng liên hệ qua e-mail: index@hsc.vn
Bản công bố này chỉ nhằm mục đích cung cấp thông tin. HOSE đã nỗ lực hết mức có thể để cung cấp thông tin chính xác, tuy nhiên sẽ không có nghĩa vụ pháp lý hoặc trách nhiệm nào cho HOSE cũng như ban giám đốc, cán bộ, nhân viên, đối tác hoặc người nhượng quyền của HOSE liên quan đến sai sót hoặc tổn thất gây ra bởi việc sử dụng bất kỳ thông tin hoặc dữ liệu nào thuộc công bố này.

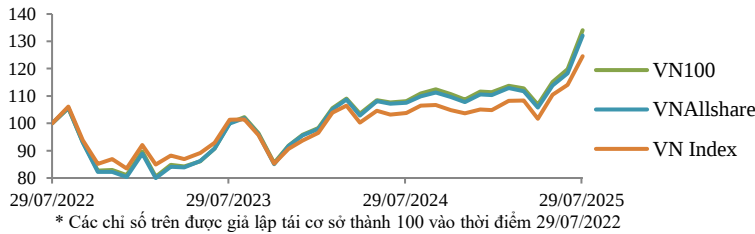


VN100 là chỉ số vốn hóa kết hợp các cổ phiếu thành phần của VN30 và VNMidcap.

Đặc điểm chỉ số

	100
Giá trị vốn hóa (Tỷ đồng)	5,601,620
Giá trị vốn hóa có điều chỉnh free-float (Tỷ đồng)	2,479,461
Trung bình	24,795
Cao nhất	156,133
Thấp nhất	1,041
Trung vị	8,826
Tỷ trọng vốn hóa của công ty lớn nhất trong rổ	6.30%
Tỷ trọng vốn hóa của 10 công ty lớn nhất trong rổ	45.07%

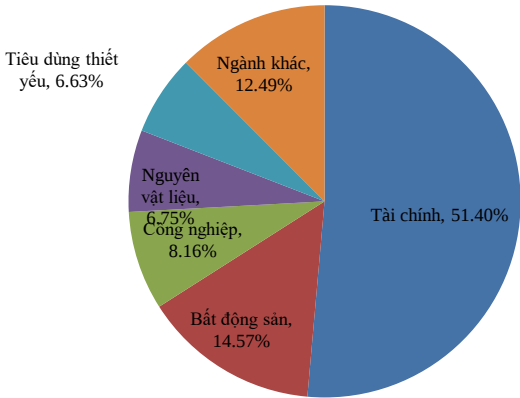
Tăng trưởng chỉ số từ 29/07/2022 đến 31/07/2025



Tăng trưởng chỉ số

	Tăng trưởng (%)									Tăng trưởng bình quân năm (%)	
	2022	2023	2024	1 tháng	3 tháng	6 tháng	1 năm	3 năm	5 năm	3 năm	5 năm
VN100	-37.62%	13.95%	16.62%	11.93%	25.45%	20.31%	23.96%	34.07%	122.11%	10.27%	17.30%

Tỷ trọng vốn hóa thị trường theo ngành



Top 5 ngành đứng đầu theo vốn hóa thị trường

Ngành	Số lượng công ty	GTVH điều chỉnh free-float (Tỷ đồng)	Tỷ trọng
Tài chính	29	1,274,409	51.40%
Bất động sản	15	361,355	14.57%
Công nghiệp	20	202,356	8.16%
Nguyên vật liệu	10	167,254	6.75%
Tiêu dùng thiết yếu	10	164,336	6.63%

Thông tin cơ bản

Ngày cơ sở: 24/01/2014
Giá trị cơ sở: 560.19
Hình thức tính: Chỉ số giá và Chỉ số tổng thu nhập
Tần suất tính:
- VN100: Theo thời gian thực (5giây/ lần)
- VN100TRI: Cuối ngày giao dịch (1 ngày/lần)
Giới hạn tỷ trọng vốn hóa: 10%
Phương pháp tính: Giá trị vốn hóa thị trường điều chỉnh free-float.
Đơn vị tiền tệ: VND

Độ biến động chỉ số

	3 tháng	6 tháng	1 năm	3 năm	5 năm
VN100	7.99%	16.17%	18.84%	35.14%	48.05%

Độ tương quan chỉ số với VN Index

	3 tháng	6 tháng	1 năm	3 năm	5 năm
VN100	97.61%	99.03%	98.84%	98.73%	95.06%

10 công ty đứng đầu theo vốn hóa thị trường

	Cổ phiếu	Ngành	GTVH điều chỉnh free-float (Tỷ đồng)	Tỷ trọng
1	TCB	Tài chính	156,133	6.30%
2	FPT	Công nghệ thông tin	150,592	6.07%
3	VIC	Bất động sản	121,019	4.88%
4	ACB	Tài chính	106,329	4.29%
5	HPG	Nguyên vật liệu	105,327	4.25%
6	VPB	Tài chính	102,348	4.13%
7	LPB	Tài chính	97,057	3.91%
8	STB	Tài chính	94,167	3.80%
9	VHM	Bất động sản	92,417	3.73%
10	MBB	Tài chính	92,129	3.72%
Tổng cộng			1,117,517	45.07%

Lưu ý:
"VN30", "VNMidcap", "VNSmallCap", "VN100", "VNAllshare" và "VNAllshare Sector" (gọi chung là "HOSE-Index") là thương hiệu đã được đăng ký, thuộc sở hữu độc quyền của Sở GDCK Thành phố Hồ Chí Minh (HOSE). Chỉ khi có sự chấp thuận của HOSE thì Bộ chỉ số HOSE-Index mới có thể được sử dụng để tạo ra các sản phẩm liên quan như quỹ đầu tư theo chỉ số, sản phẩm phái sinh, Để biết thêm thông tin xin vui lòng liên hệ qua e-mail: index@hsx.vn
Bản công bố này chỉ nhằm mục đích cung cấp thông tin. HOSE đã nỗ lực hết mức có thể để cung cấp thông tin chính xác, tuy nhiên sẽ không có nghĩa vụ pháp lý hoặc trách nhiệm nào cho HOSE cũng như ban giám đốc, cán bộ, nhân viên, đối tác hoặc người nhượng quyền của HOSE liên quan đến sai sót hoặc tổn thất gây ra bởi việc sử dụng bất kỳ thông tin hoặc dữ liệu nào thuộc công bố này.

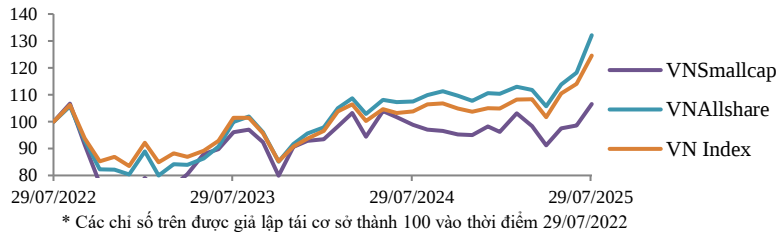


VNSmallcap là chỉ số vốn hóa được thiết kế để đo lường mức tăng trưởng của các công ty có quy mô nhỏ trong VNAllshare.

Đặc điểm chỉ số

	183
Giá trị vốn hóa (Tỷ đồng)	284,081
Giá trị vốn hóa có điều chỉnh free-float (Tỷ đồng)	145,389
Trung bình	794
Cao nhất	6,293
Thấp nhất	23
Trung vị	494
Tỷ trọng vốn hóa của công ty lớn nhất trong rổ	4.33%
Tỷ trọng vốn hóa của 10 công ty lớn nhất trong rổ	25.48%

Tăng trưởng chỉ số từ 29/07/2022 đến 31/07/2025

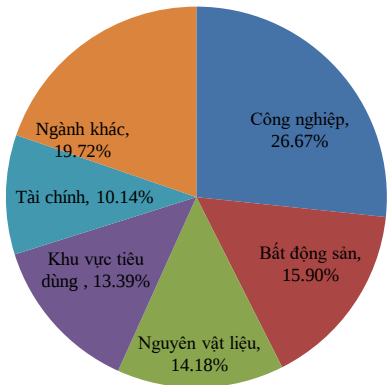


* Các chỉ số trên được giá lập tái cơ sở thành 100 vào thời điểm 29/07/2022

Tăng trưởng chỉ số

	Tăng trưởng (%)									Tăng trưởng bình quân năm (%)	
	2022	2023	2024	1 tháng	3 tháng	6 tháng	1 năm	3 năm	5 năm	3 năm	5 năm
VNSmallcap	-51.74%	25.06%	5.92%	8.09%	16.84%	10.66%	7.80%	6.48%	124.70%	2.12%	17.58%

Tỷ trọng vốn hóa thị trường theo ngành



Top 5 ngành đứng đầu theo vốn hóa thị trường

Ngành	Số lượng công ty	GTVH điều chỉnh free-float (Tỷ đồng)	Tỷ trọng
Công nghiệp	52	38,770	26.67%
Bất động sản	23	23,115	15.90%
Nguyên vật liệu	32	20,610	14.18%
Khu vực tiêu dùng	27	19,472	13.39%
Tài chính	11	14,749	10.14%

Thông tin cơ bản

Ngày cơ sở: 24/01/2014
Giá trị cơ sở: 560.19
Hình thức tính: Chỉ số giá và Chỉ số tổng thu nhập
Tần suất tính:
- VNSmallcap: Theo thời gian thực (5 giây/ lần)
- VNSmallcapTRI: Cuối ngày giao dịch (1 ngày/lần)
Giới hạn tỷ trọng vốn hóa: 10%
Phương pháp tính: Giá trị vốn hóa thị trường điều chỉnh free-float.
Đơn vị tiền tệ: VND

Độ biến động chỉ số

	3 tháng	6 tháng	1 năm	3 năm	5 năm
VNSmallcap	6.57%	15.36%	18.08%	35.62%	49.54%

Độ tương quan chỉ số với VN Index

	3 tháng	6 tháng	1 năm	3 năm	5 năm
VNSmallcap	82.74%	92.59%	91.53%	88.66%	84.86%

10 công ty đứng đầu theo vốn hóa thị trường

	Cổ phiếu	Ngành	GTVH điều chỉnh free-float (Tỷ đồng)	Tỷ trọng
1	BAF	Tiêu dùng thiết yếu	6,293	4.33%
2	HAH	Công nghiệp	5,845	4.02%
3	DBD	Chăm sóc sức khỏe	4,397	3.02%
4	HHS	Khu vực tiêu dùng	3,674	2.53%
5	ORS	Tài chính	3,113	2.14%
6	SAM	Công nghiệp	3,074	2.11%
7	SCR	Bất động sản	2,924	2.01%
8	PET	Công nghiệp	2,813	1.93%
9	IJC	Công nghiệp	2,503	1.72%
10	DPG	Công nghiệp	2,414	1.66%
	Tổng cộng		37,050	25.48%

Lưu ý:
"VN30", "VNMidcap", "VNSmallCap", "VN100", "VNAllshare" và "VNAllshare Sector" (gọi chung là "HOSE-Index") là thương hiệu đã được đăng ký, thuộc sở hữu độc quyền của Sở GDCK Thành phố Hồ Chí Minh (HOSE). Chỉ khi có sự chấp thuận của HOSE thì Bộ chỉ số HOSE-Index mới có thể được sử dụng để tạo ra các sản phẩm liên quan như quỹ đầu tư theo chỉ số, sản phẩm phái sinh, ... Để biết thêm thông tin xin vui lòng liên hệ qua e-mail: index@hsx.vn
Bản công bố này chỉ nhằm mục đích cung cấp thông tin. HOSE đã nỗ lực hết mức có thể để cung cấp thông tin chính xác, tuy nhiên sẽ không có nghĩa vụ pháp lý hoặc trách nhiệm nào cho HOSE cũng như ban giám đốc, cán bộ, nhân viên, đối tác hoặc người nhượng quyền của HOSE liên quan đến sai sót hoặc tổn thất gây ra bởi việc sử dụng bất kỳ thông tin hoặc dữ liệu nào thuộc công bố này.



Sơ lược Quy tắc bộ chỉ số HOSE-Index

Tiêu chí sàng lọc:

1. Tư cách:

- Cổ phiếu có thời gian niêm yết trên HOSE tối thiểu 6 tháng tính đến ngày chốt dữ liệu xem xét.
- Cổ phiếu không thuộc diện bị cảnh báo do vi phạm công bố thông tin, kiểm soát, kiểm soát đặc biệt, tạm ngừng giao dịch (ngoại trừ tạm ngừng giao dịch do thực hiện việc tách/gộp cổ phiếu hoặc chia tách/sáp nhập) trong vòng 03 tháng tính đến ngày chốt dữ liệu xem xét.

2. Tỷ lệ tự do chuyển nhượng (Free-float): Cổ phiếu phải có tỷ lệ free-float cao hơn 10%.

3. Thanh khoản: Cổ phiếu phải có tỷ suất quay vòng chứng khoán tối thiểu là 0.05%.

Phương pháp chọn cổ phiếu vào rổ chỉ số:

1. VNAllshare: Bao gồm tất cả các cổ phiếu đáp ứng các tiêu chí sàng lọc.

2. VN30:

- **Tư cách tham gia vào VN30:** Thuộc tập hợp top 90% Giá trị giao dịch tích lũy của rổ VNAllshare và không thuộc diện bị cảnh báo.
- 20 cổ phiếu lớn nhất theo Giá trị vốn hóa thị trường sẽ được chọn vào VN30. 10 cổ phiếu tiếp theo sẽ được chọn từ các cổ phiếu xếp hạng từ 21 đến 40 theo Giá trị vốn hóa thị trường, các cổ phiếu đã có trong rổ VN30 kỳ trước sẽ được ưu tiên chọn trước.

3. VNMidcap:

- Từ các cổ phiếu của VNAllshare không bao gồm 30 cổ phiếu của VN30, 40 cổ phiếu lớn nhất theo Giá trị vốn hóa thị trường sẽ được chọn vào rổ VNMidcap.
- 30 cổ phiếu tiếp theo sẽ được chọn từ các cổ phiếu xếp hạng từ 41 đến 80 theo Giá trị vốn hóa thị trường, các cổ phiếu đã có trong rổ VNMidcap kỳ trước sẽ được ưu tiên chọn trước.

4. VN100: Bao gồm các cổ phiếu thành phần của chỉ số VN30 và VNMidcap.

5. VNSmallcap: Bao gồm các cổ phiếu còn lại của VNAllshare sau khi loại trừ các cổ phiếu thành phần của chỉ số VN100.

Chuẩn phân ngành GICS®

GICS® (Global Industry Classification Standard) là chuẩn phân ngành dành cho thị trường chứng khoán do S&P kết hợp với MSCI xây dựng. Thông tin về chuẩn phân ngành GICS® được MSCI và S&P chịu trách nhiệm quản lý và công bố.

Các cổ phiếu niêm yết trên HOSE được MSCI và S&P trực tiếp phân ngành và thông tin phân ngành được cập nhật tại trang chủ của HOSE : www.hsx.vn.

Việc xem xét và cập nhật phân ngành cho các cổ phiếu thành phần của Bộ chỉ số ngành sẽ được thực hiện định kỳ 06 tháng/lần vào cùng ngày chốt dữ liệu xem xét định kỳ chỉ số.

